

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2024/DSST  
Ngày: 11-9-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**;

Ông **Lê Văn Bài**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 409/TLST-DS ngày 18-7-2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXXST-DS, ngày 12-8-2024 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án dân sự ngày 27-8-2024 giữa:

**Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khóm a, thị trấn Tiểu C, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

**Bị đơn:**

1. Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Nh, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh; Đang chấp hành án tại Trại giam Bến Giá ở khóm 2, phường a, thị xã Duyên H, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

2. Bà **Lữ Thị B**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Nh, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:**

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, bà có cho vợ chồng ông **Trương Văn T** và bà **Lữ Thị B** vay 5.100.000.000 đồng (Năm tỷ một trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận 0,2%/ngày, thời hạn vay hai bên thỏa thuận 20 ngày kể từ ngày nhận tiền vay thì ông T, bà B sẽ trả lại vốn vay cho bà.

Đến ngày 18/8/2022, ông T, bà B vay thêm của bà số tiền vốn vay 100.000.000 đồng và có viết biên nhận nợ thừa nhận thiếu bà tiền vốn vay của 02 lần bằng 5.200.000.000 đồng (Năm tỷ hai trăm triệu) đồng, lần vay này không có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả lại vốn vay, trong biên nhận nợ ông T có thỏa giao cho bà diện tích 4.500m<sup>2</sup>, đất ruộng để trừ số tiền vốn vay bằng 700.000.000 đồng, diện tích đất ông T, bà B giao bà đã được đứng tên quyền sử dụng đất riêng, không tranh chấp.

Sau đó ông T bị bắt, tại bản án hình sự số: 11/2024/HS-ST ngày 13-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bà với ông T cũng có thống nhất về diện tích đất 4.500m<sup>2</sup> cân trừ số tiền bằng 700.000.000 đồng. Cho nên số tiền vốn vay ông T và bà B còn nợ lại bà bằng 4.500.000.000 đồng.

Nay yêu cầu ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B yêu cầu ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B cùng có trách nhiệm trả cho trả tiền vốn vay còn nợ bằng 4.500.000.000 (Bốn tỷ năm trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

**Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trương Văn T trình bày:** Ông có vay tiền của bà Lê Thị Đ nhiều lần, trong năm 2022 tổng cộng ông với bà B nợ bà Đ tiền vốn vay bằng 5.200.000.000 đồng, có làm biên nhận, sau đó ông bị bắt, tại Bản án hình sự số: 11/2024/HS-ST ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh ông với bà Đ thỏa thuận ông khắc phục cho bà Đ số tiền 700.000.000 đồng (tương đương 4.500m<sup>2</sup> đất), ông còn nợ lại số tiền vốn vay bằng 4.500.000.000 đồng, việc vay tiền ông với bà Đ cũng có thỏa thuận lãi suất và đóng tiền lãi cho bà Đ, đối với mức lãi suất và tiền lãi suất đã đóng cho bà Đ ông không yêu cầu, ông đồng ý cùng bà B trả cho bà Đ tiền vốn vay còn nợ bằng 4.500.000.000 đồng, yêu cầu không tính lãi.

**Trong quá trình giải quyết bị đơn bà Lữ Thị B trình bày:** Bà là vợ ông T, bà thừa nhận ông T có vay tiền của bà Đ bằng 5.200.000.000 đồng, ông T có giao cho bà Đ diện tích đất 4.500m<sup>2</sup> để trừ tiền vốn vay bằng 700.000.000 đồng, hiện tại ông T còn nợ bà Đ bằng 4.500.000.000 đồng, bà đồng ý cùng ông T trả cho bà Đ, yêu cầu không tính lãi.

**Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm:** Đơn khởi kiện (Bản chính); các biên nhận nợ (bản chính), bản án hình sự số 11/2024/HS-ST ngày 13/3/2024; CCCD (photo); Bị đơn cung cấp CCCD (photo);

**Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:** Ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B thừa nhận còn nợ bà Lê Thị Đ tiền vốn vay bằng 4.500.000.000 đồng; Bà Lê Thị Đ không yêu cầu tính lãi.

**Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:** Không có.

**Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về nội dung vụ án:** Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.
2. Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B cùng có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Đ tiền vốn vay còn nợ bằng 4.500.000.000 (Bốn tỷ năm trăm triệu) đồng. Bà Lê Thị Đ không yêu cầu tính lãi.
3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố;

Bà Lê Thị Đ, ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung*: Trong quá trình giải quyết bà Lê Thị Đ với ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B có lời khai thống nhất, từ ngày 19 tháng 4 năm 2021 đến năm 2022 ông T, bà B có vay của bà Đ bằng 5.200.000.000 đồng, ông T, bà B thỏa thuận giao cho bà Đ diện tích 4.500m<sup>2</sup> để trừ trước số tiền vốn bằng 700.000.000 đồng và tại bản án hình sự số 11/2024/HS-ST ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh cũng nhận định và buộc ông T khắc phục số tiền chiếm đoạt bằng 700.000.000 đồng trên, cho nên ông T, bà B còn nợ lại bà Đ số tiền vốn bằng 4.500.000.000 đồng, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Lê Thị Đ yêu cầu ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B cùng có trách nhiệm trả cho bà Đ tiền vốn vay còn nợ bằng 4.500.000.000 đồng, Ông T, bà B thừa nhận còn nợ lại bà Đ số tiền vốn vay bằng 4.500.000.000 đồng và đồng ý trả. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do bà Đ không có yêu cầu tính lãi nên không giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn Lê Thị Đ không phải chịu án phí.

[5] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

2. Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B cùng có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Đ tiền vốn vay còn nợ bằng 4.500.000.000 (Bốn tỷ năm trăm triệu) đồng. Bà Lê Thị Đ không yêu cầu tính lãi.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Buộc ông Trương Văn T và bà Lữ Thị B phải chịu 112.500.000 đồng án phí.

- Bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền 58.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002980 ngày 18-7-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho bà Lê Thị Đ.

**4. Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Mỹ Châm**